

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/HS-ST
Ngày 29-10-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ánh Đào**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Lê Bảo Ngân;**

Bà **Đào Thị Ánh Tuyết.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thạch**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu**- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thái H, sinh ngày: 13/3/1967. Nơi sinh: Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: chuyên viên tư vấn phòng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1932 (Chết) và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1942 (Chết); có vợ Phan Thanh B, sinh năm 1966 và 02 con lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 1996; anh chị em ruột có 05 người, lớn nhất sinh năm 1962, nhỏ nhất sinh năm 1974; Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/5/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị cáo: Luật sư Phạm Ngọc H2- Công ty TNHH MTV L thuộc đoàn Luật sư thành phố C. Có mặt.

Ông Trần Ngọc B1- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố C. Có mặt

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1991. Có mặt.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Thái H3, sinh năm 1996. Có mặt.

Bà Phan Thanh B, sinh năm 1966. Có mặt.

Cùng địa chỉ: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Bà Nguyễn Hằng N, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Ông Lê Minh Đ, sinh năm 1986. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Ông Phan Văn P, sinh năm 1960. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/5/2024, Nguyễn Thị Cẩm T, đăng ký thường trú: ấp T, xã T, huyện V, đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V tố giác Nguyễn Thái H, có hành vi "lừa chạy án" cho chồng là ông Phan Thanh V để lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số tiền 207.200.000 đồng. Sự việc xảy ra từ ngày 23/01/2024 đến ngày 23/3/2024 tại thị trấn V, huyện V. Thời điểm này ông V là bị can trong vụ án "Cố ý gây thương tích" xảy ra ngày 09/12/2023 và đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V. Đến ngày 22/5/2024, Cơ quan điều tra Công an huyện thực hiện Lệnh khám xét khẩn cấp, Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và Quyết định tạm giữ hình sự đối với H để điều tra.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Thái H khai nhận như sau: Vào khoảng tháng 01/2024 H được bà Nguyễn Hằng N giới thiệu và gửi cho số điện thoại của Nguyễn Thị Cẩm T. Qua tìm hiểu biết T có nguyện vọng lo chạy án cho chồng là ông Phan Thanh V được hưởng án treo hoặc giảm nhẹ hình phạt. Qua nói chuyện Học biết T có điều kiện kinh tế nên H nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T để lấy tiền sử dụng vào mục đích cá nhân nên H nói với T là mình có mối quan hệ có thể giúp được cho ông V theo nguyện vọng của T nhưng vụ án phức tạp khi nào cần chi vào khoản nào thì H sẽ thông báo cho T biết, nếu chấp nhận thì H thực hiện. Trước mắt thì phải quan hệ bên nhà tạm giữ

để gửi đồ ăn, thức uống, thuốc men vào nhà tạm giữ cho V. Khi nghe H nói vậy thì Tiên đồng Ý và chuyển số tiền 5.000.000 đồng vào số tài khoản 1805236166188 của H mở tại Ngân hàng N1 để mua đồ gửi vào trại giam cho V. Từ ngày 23/01/2024 đến ngày 23/3/2024 H đưa ra nhiều thông tin về việc chạy án cho V để yêu cầu T chuyển tiền cho H, cụ thể như sau:

Ngày 24/01/2024 và 27/01/2024 H gọi điện thoại yêu cầu T chuyển vào tài khoản của Học 02 lần mỗi lần số tiền 15.000.000 đồng để Học chi cho cơ quan giám định lại thương tích của bị hại giảm xuống cho V được nhẹ tội.

Ngày 01/02/2024, H yêu cầu T chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng để Học tặng quà và ăn nhậu với cán bộ chạy án cho V.

Ngày 03/02/2024, H yêu cầu T chuyển khoản số tiền 40.000.000 đồng để bị can Học lo hồ sơ xóa án tích cho V.

Ngày 08/02/2024, H yêu cầu T chuyển khoản số tiền 7.000.000 đồng để mua quà tặng cho cán bộ chạy án và xin cho V được bảo lãnh, tại ngoại.

Ngày 18/02/2024, H yêu cầu T chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng để bị can chi tiền ăn nhậu cho cán bộ chạy án.

Sau đó, H gọi điện thoại cho T nói là Viện kiểm sát huyện đồng ý cho Vũ hưởng 02 năm án treo với số tiền 150.000.000 đồng. Đồng ý thì chuẩn bị đưa trước một nửa số tiền, khi nào giải quyết xong vụ án thì đưa phần còn lại. Đến chiều ngày 21/02/2024, H một mình điều khiển xe chạy đến cổng công ty V1 tại ấp V, thị trấn V, huyện V gặp T nhận tiền mặt 70.000.000 đồng.

Ngày 04/3/2024, H hẹn gặp T tại tỉnh lộ 919 đoạn đường P thuộc thị trấn V nhận tiền mặt 10.000.000 đồng để H lên Bệnh viện H4 rút hồ sơ bệnh án của V bị tai nạn giao thông trước đó.

Đến chiều cùng ngày H yêu cầu T chuyển khoản số tiền 3.200.000 đồng do số tiền T đưa H chi tiêu không đủ.

Ngày 11/3/2024, H yêu cầu T chuyển khoản số tiền 2.000.000 đồng để Học đi lại khi V ra tòa xét xử. Ngày 14/3/2024, H yêu cầu T chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng để H gửi tiền cho cán bộ tòa án để xử nhẹ cho V.

Ngày 23/3/2024, H yêu cầu T chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng do trước đó H mua đồ gửi vào trại giam cho V nên Học đòi lại.

Ngoài ra, trước thời điểm Phan Thanh V có kết luận điều tra H gặp T nhận tiền mặt 15.000.000 đồng để lo chạy án cho V. Học không xác định được đã

nhận số tiền trên vào ngày nào, riêng T thì xác định đưa cho H vào ngày 08/3/2024 tại đường vào cổng công ty V1.

Tổng số tiền H chiếm đoạt của T là 207.200.000 đồng. Trong đó, H nhận chuyển khoản từ T là 112.200.000 đồng và nhận tiền mặt là 95.000.000 đồng

Tại Cáo trạng số 61/CT-VKSVT ngày 03/10/2024 và tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Thái H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng: điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174, Điều 38, điểm b, s, x khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái H mức án tù 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù. Phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Một điện thoại di động hiệu Nokia 6700 Classic màu vàng gắn sim số thuê bao 0707377113; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thái H: Một Xe mô tô biển kiểm soát: 49M9-4485; Một thẻ ATM (A), số thẻ: 9704-0530-0945-5089 chủ tài khoản Nguyễn Thái H; Một thẻ ATM ngân hàng K, số thẻ: 9704-5205-5807-6474 chủ tài khoản Nguyễn Thái H; Một điện thoại di động hiệu sam sung, màu xanh; Một giấy chứng nhận thương binh số 20543; Một giấy chứng nhận đăng ký xe số 013695; Một căn cước công dân số 092067000387 mang tên Nguyễn Thái H; Đối với 01 dấu tròn ghi ủy ban nhân dân thành phố C-Nông trường S, đề nghị tiếp tục giao cho cơ quan điều tra xác minh làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị công nhận việc gia đình bị cáo và bị hại đã thỏa thuận khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại xong số tiền 180.000.000 đồng, bị hại không yêu cầu gì thêm đối với bị cáo và đã làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo không tranh luận gì với kiểm sát viên. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo xin lỗi bị hại và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư Phạm Ngọc H2 bào chữa cho bị cáo có ý kiến tranh luận: Thống nhất về điều khoản áp dụng cũng như tội danh mà Viện kiểm sát đề truy tố đối

với bị cáo. Tuy nhiên, về mức hình phạt đề nghị hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 do bị cáo là người khuyết tật nặng bị mất một chân lên đến đùi do tham gia cách mạng là thương binh $\frac{1}{4}$ để xem xét mức hình phạt cho bị cáo là 03 năm 06 tháng tù.

Trợ giúp viên pháp lý ông Trần Hoàng B2 có ý kiến tranh luận: Thống nhất về điều khoản áp dụng cũng như tội danh mà Viện kiểm sát đề truy tố đối với bị cáo và đề nghị ghi nhận thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 về việc bị cáo có hoàn cảnh khó khăn do đang mắc bệnh nặng về phổi cần điều trị để xem xét mức hình phạt cho bị cáo là 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hằng N, ông Phan Văn P và ông Lê Minh Đ đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra, việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 là phù hợp.

[3] Về tội danh và hình phạt: Trong quá trình điều tra và qua thẩm tra, đối chất tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, đủ cơ sở xác định: Vào khoảng tháng 01/2024, bị cáo Nguyễn Thái H được bà Nguyễn Hằng N giới thiệu và gửi cho số điện thoại của bị hại Nguyễn Thị Cẩm T. Thời điểm này ông Phan Thanh V (chồng bị hại T) là bị can trong

vụ án "Cố ý gây thương tích" xảy ra ngày 09/12/2023 và đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện V, thành phố Cần Thơ. Khi biết bị hại có nguyện vọng muốn nhờ bị cáo lo chạy án cho chồng được hưởng án treo hoặc giảm nhẹ hình phạt, mặc dù bị cáo biết rõ mình không có điều kiện, khả năng để lo chạy án nhưng vẫn nhận lời giúp đỡ nhằm chiếm đoạt tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân. Từ đó bị cáo cung cấp đưa ra nhiều thông tin gian dối không đúng sự thật về việc lo chạy án cho ông Phan Thanh V làm cho bị hại T tin tưởng đó là thật và đưa tiền mỗi khi bị cáo yêu cầu. Từ ngày 23/01/2024 đến ngày 23/3/2024 bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại T tổng số tiền 207.200.000 đồng. Hành vi của bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không làm oan cho bị cáo.

[4] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo có thủ đoạn gian dối ngay từ đầu, giới thiệu bản thân là người có uy tín trong xã hội, có nhiều mối quan hệ rộng với cán bộ làm tư pháp nên có khả năng chạy án cho Vũ chồng B3 hại T để bị hại tin tưởng đưa tiền cho theo mỗi lần bị cáo yêu cầu nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của bị hại dù thực tế bị cáo không có điều kiện, không quen biết ai có khả năng giúp đỡ như nguyện vọng của bị hại T. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương, ảnh hưởng xấu đến an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu đến uy tín, danh dự của các cán bộ, các cơ quan Nhà nước nói chung và các cơ quan Tư pháp nói riêng. Mặc dù, sự việc xảy ra bà Phan Thanh B là vợ và con Nguyễn Thái H3 đã thay mặt bị cáo thỏa thuận bồi thường, khắc phục xong cho bị hại nhưng hậu quả từ hành vi vi phạm của bị cáo làm tổn thất cả về tinh thần, tài sản của bị hại vì đặt niềm tin vào bị cáo. Đồng thời, bị cáo nhận thức rất rõ hành vi của mình thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích là để có tiền tiêu xài phục vụ nhu cầu cá nhân. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm trọng xứng đối với hành vi của bị cáo, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhưng phải đảm bảo đủ thời gian để bị cáo ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình và tiếp tục học tập, tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành

công dân chấp hành nghiêm pháp luật và cũng rắn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 do thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là người khuyết tật nặng (bị mất một phần chân do là thương binh 1/4), bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại xong số tiền 180.000.000 đồng và là người có công với cách mạng. Thêm nữa, bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn vì bị cáo đang có bệnh liên quan đến phổi cần điều trị. Hơn hết bị cáo còn là người đang làm công việc là chuyên viên tư vấn phòng chống HIV đây là việc làm rất đáng được biểu dương vì cộng đồng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p, s, x khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do bị cáo có đến 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 chuyển khung hình phạt cho bị cáo theo đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp. Từ đó, Hội đồng xét xử nghĩ xử phạt bị cáo 04 năm 06 tháng tù cũng đủ rắn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...”. Xét theo hồ sơ vụ án không thể hiện các bị cáo thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt bổ sung 15.000.000 đồng đối với bị cáo để đảm bảo tính răn đe của pháp luật cũng như để bị cáo nhận thức rõ hơn về hành vi sai phạm của bị cáo làm bài học cảnh tỉnh cho bị cáo sau này là có cơ sở.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Công nhận đại diện gia đình của bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường dân sự khắc phục hậu quả xong cho bị hại Nguyễn Thị Cẩm T nhận đủ số tiền 180.000.000 đồng và không yêu cầu gì thêm.

[8] Về xử lý vật chứng: Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát về xử lý vật chứng là đúng quy định pháp luật có cơ sở nên cần chấp nhận.

[9] Về vấn đề khác: Đối với bà Nguyễn Hằng N là người giới thiệu bị hại Nguyễn Thị Cẩm T cho bị cáo Nguyễn Thái H. Tuy nhiên, hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với bị hại T mà bị cáo thực hiện thì bà N không biết và không hưởng lợi ích gì từ bị cáo nên Cơ quan điều tra không xử lý là có cơ sở.

Đối với con dấu tròn có ghi Ủy ban nhân dân thành phố C – Nông trường sông H qua xác minh không phải của Nông trường sông hậu. Mặc khác, bị cáo khai nhận được và không có sử dụng để thực hiện hành vi phạm pháp luật nhưng cần kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

[10] Về án phí: Bị cáo là người khuyết tật và có công với cách mạng thuộc trường hợp được miễn án phí hình sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thái H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào Điều 38, điểm b, p, s, x khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1, khoản 52, Điều 54, điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174 và của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái H 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/5/2024.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thái H 15.000.000 đồng.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Một điện thoại di động hiệu Nokia 6700 Classic màu vàng gắn sim số thuê bao 0707377113.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thái H: Một Xe mô tô biển kiểm soát: 49M9-4485; Một thẻ ATM (A), số thẻ: 9704-0530- 0945-5089 chủ tài khoản Nguyễn Thái H; Một thẻ ATM ngân hàng K, số thẻ: 9704-5205-5807-6474 chủ tài khoản Nguyễn Thái H; Một điện thoại di động hiệu sam sung, màu xanh; Một giấy

chứng nhận thương binh số 20543; Một giấy chứng nhận đăng ký xe số 013695; Một căn cước công dân số 092067000387 mang tên Nguyễn Thái H.

Đối với 01 dấu tròn ghi Ủy ban nhân dân thành phố C-Nông trường S tiếp tục giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V, thành phố Cần Thơ để điều tra xác minh làm rõ nếu có căn cứ sẽ xử lý sau theo quy định pháp luật.

(Vật chứng được chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, TP . Thơ theo Quyết định chuyển vật chứng số:48/QĐ-VKSVT ngày 03/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ).

3. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Thái H.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- CAND huyện Vĩnh Thạnh;
- CCTHADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- Bị cáo; bị hại; đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Ánh Đào